

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2022
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân;
2. Bà Bùi T Thúy;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLST- HNGĐ, ngày 13/4/2022 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/6/2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 900/TB – TA ngày 8/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST – DS ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Thúy P, sinh năm 1981 (có mặt).
Địa chỉ: Số 59/H, tổ 1, ấp Tân H, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
Tạm trú: Số 180/13, Hùng V, khóm 1, phường 2, TP. S, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Nguyễn Phương T, sinh năm 1974 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 59/H, tổ 1, ấp Tân H, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thúy P trình bày:

Chị và anh T có quen biết tìm hiểu nhau vào năm 2000, đến năm 2001 được gia đình hai bên đồng ý nên có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2010 – 2011 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, anh T nhiều lần đánh chị nhưng chị vẫn cố gắng

chịu đựng. Đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhiều hơn, anh T ghen tuông vô cớ mỗi khi chị nói cười với người khác giới thì anh T đều ghen và nói những lời lẽ không tôn trọng chị. Ngoài ra giữa chị và các anh chị em của anh T không được hòa hợp nhưng anh T không bênh vực chị mà còn nặng lời với chị. Những mâu thuẫn dồn nén lâu ngày chị không thể chịu được. Chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 02/2022 nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay, chị không còn tình cảm cũng không thể nào chung sống với anh T được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phương T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Phương Th sinh ngày 9/11/2001 và Nguyễn Huỳnh Th Q, sinh ngày 04/01/2008. Chị P yêu cầu được nuôi Th Q sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Phương Th đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị P có ý kiến nếu cháu Th Q có nguyện vọng được sống với cha để thuận tiện cho việc đi học thì chị cũng đồng ý để cháu Q được sống với anh T.

Theo biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Phương T trình bày:

Thời gian chung sống như chị P trình bày là đúng, vợ chồng có quen biết, tìm hiểu nhau vào năm 2000, được gia đình tổ chức cưới và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2001. Thời gian chung sống hạnh phúc đến tết năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh cũng động viên chị chung sống trở lại nhưng chị P không đồng ý. Hiện nay anh T còn tình cảm với chị P nên chị P xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Phương Th sinh ngày 9/11/2001 và Nguyễn Huỳnh Th Q, sinh ngày 04/01/2008. Anh T không đồng ý để con cho chị P nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh T yêu cầu được nuôi Th Q sau khi ly hôn, anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, Phương Th đã trưởng thành nên anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Riêng bị đơn không đến phiên tòa là chưa chấp hành theo điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thúy P được ly hôn với anh Nguyễn Phương T. Về con chung: giao cháu Nguyễn Huỳnh Th Q, sinh ngày 04/01/2008 cho anh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Cháu Nguyễn Thị Phương Th đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung, tài sản chung: do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Huỳnh Thúy P và anh Nguyễn Phương T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T có hộ khẩu thường trú tại ấp Tân Hựu, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Phương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thúy P và anh Nguyễn Phương T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc, anh T hay ghen tuông vô cớ và mâu thuẫn giữa chị P và gia đình anh T, những mâu thuẫn dồn nén không được giải quyết dẫn đến chị P không còn tình cảm cũng như không thể chung sống được với anh T nên chị P đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh T cũng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị P không đồng ý và vẫn kiên quyết ly hôn. Tuy nhiên, anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị P nên chị P xin ly hôn anh T không đồng ý.

Xét thấy vợ chồng chung sống với nhau phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trong thời gian chung sống giữa chị P và anh T xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, tình cảm và mâu thuẫn với gia đình anh T nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2022. Từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay thời gian cũng đã lâu nhưng anh T cũng không có biện pháp nào để vợ chồng chung sống trở lại với nhau, điều đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị P với anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị P yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thúy P được ly hôn với anh Nguyễn Phương T.

[2.2] Về con chung: chị P đồng ý để anh T được nuôi Nguyễn Huỳnh Th Q, sinh ngày 04/01/2008 sau khi ly hôn, chị P không cấp dưỡng nuôi con. Nguyễn Thị Phương Th đã trưởng thành nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Phương T đồng ý nuôi dưỡng cháu Th Q sau khi ly hôn, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thị Phương Th đã trưởng thành nên anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy rằng anh T có yêu cầu được nuôi Th Q, chị P cũng đồng ý để anh T nuôi dưỡng cháu Th Q sau khi ly hôn. Hiện nay cháu Th Q đang sống với chị P, tuy nhiên cháu Q có nguyện vọng được sống với anh T để thuận tiện cho việc đi học. Do vậy, nên giao cháu Th Q cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp. Đối với cháu Nguyễn Thị Phương Th đã trưởng thành nên chị P và anh T không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị P và anh T trình bày tài sản chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Huỳnh Thúy P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Huỳnh Thúy P được ly hôn với anh Nguyễn Phương T.

2. *Về con chung:* giao cháu Nguyễn Huỳnh Th Q, sinh ngày 04/01/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (cháu Q đang sống với chị P). Nguyễn Thị Phương Th đã trưởng thành nên chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị P có quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị P và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. *Về nợ chung*: chị P và anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Huỳnh Thúy P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp ngày 13/4/2022 theo biên lai số 0009091 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị P phải nộp.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Phương T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Nhuận Đ, huyện C (Số 80/2001 ngày 24/10/2001);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Loan